

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành Quản trị Kinh doanh

Áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2022

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo
- + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- + Tiếng Anh: Master of Business Administration
- Mã ngành đào tạo: 8340101
- Hình thức đào tạo: Chính quy

Chương trình đào tạo: Chương trình đơn ngành do Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT) cấp 01 văn bằng.

- Phương thức đào tạo:
 - + Phương thức ứng dụng 2 (UD2)
 - + Phương thức nghiên cứu 2 (NC2)
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Master of Business Administration
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- **Kiến thức:** cung cấp cho học viên những kiến thức mở rộng, nâng cao và cập nhật về quản trị kinh doanh trên nền tảng những kiến thức đã được giảng dạy tại bậc đại học bao gồm những kiến thức về thống kê kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, marketing, kế toán và quản trị khách hàng. Đồng thời, chương trình cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để sau khi tốt nghiệp học viên có thể tiếp tục theo học chương trình tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh.

- **Kỹ năng:** trang bị cho học viên kỹ năng tư duy phân tích, nghiên cứu, đánh giá các vấn đề và chính sách kinh tế, xã hội, môi trường; có kỹ năng thuyết trình, trình bày ý tưởng; báo cáo, xây dựng và thực hiện dự án; tổng hợp và giải quyết vấn đề đặt ra trong

thực tế; có kỹ năng vận dụng các công cụ thống kê vào hoạt động thực tiễn; làm việc nhóm và độc lập một cách hiệu quả.

- **Trình độ và năng lực chuyên môn (lý thuyết, thực hành):** Có khả năng phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế và dự báo những biến động của nền kinh tế của địa phương và của doanh nghiệp; có khả năng hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế cũng như sản xuất kinh doanh dịch vụ của địa phương và các doanh nghiệp; có khả năng nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh và tham gia lập dự án, thẩm định các dự án kinh doanh quốc tế của các tổ chức kinh tế quốc tế.

- **Vị trí hay công việc sau khi tốt nghiệp:** học viên sau tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí lãnh đạo cấp cao trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan quản lý nhà nước; chuyên gia tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp trong điều hành quản lý và sản xuất kinh doanh; các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước; giảng dạy chuyên sâu về quản trị kinh doanh ở các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp; tiếp tục tham gia đào tạo ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về chuyên ngành quản trị kinh doanh.

3. Nội dung chương trình đào tạo

a) Khái quát chương trình:

- Phương thức UD2

Phương thức đào tạo	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ				
		Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		Thực tập	Đề án tốt nghiệp
			Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn		
UD2	60	4	15	24	8	9

- Phương thức NC2

Phương thức đào tạo	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ				
		Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		Đề án, chuyên đề nghiên cứu	Luận văn
			Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn		
NC2	60	4	21	6	14	15

b) Danh mục các môn học

**DANH MỤC CÁC MÔN HỌC CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG
PHƯƠNG THỨC 2 (UD2)**

TT	Mã môn học	Môn học	Khối lượng (số tín chỉ)			Học kỳ
			Tổng cộng	LT	TH, TN, TL	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		4	4	0	
1	PE500	Philosophy (Triết học)	4	4	0	1
II	KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC		15	15	0	
1	MBA.CO.002	Financial Management (Quản trị tài chính)	3	3	0	1
2	MBA.CO.003	Marketing Management (Quản trị Marketing)	3	3	0	
3	MBA.CO.011	Managerial Economics (Kinh tế Quản lý)	3	3	0	
4	MBA.CO.004	Strategic Management (Quản trị Chiến lược)	3	3	0	2
5	MBA.CO.010	Research Methodology (Phương pháp nghiên cứu)	3	3	0	
III	KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN (8 MÔN)		24	24	0	
1	MBA.CO.001	Statistics for Business (Thống kê trong Kinh doanh)	3	3	0	1
2	MBA.GE.008	Negotiation and Problem Solving Skills (Các kỹ năng Đàm phán và Giải quyết vấn đề)	3	3	0	2
3	MBA.CO.006	Operations & Supply Chain Management (Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng)	3	3	0	
4	MBA.GE.009	Business, Ethics and Society (Kinh doanh, Đạo đức và Xã hội)	3	3	0	3
5	MBA.GE.010	Developing Leadership Skills (Phát triển Kỹ năng lãnh đạo)	3	3	0	
6	MBA.GE.011	International Marketing (Marketing Quốc tế)	3	3	0	
7	MBA.GE.012	Cross-Cultural Management (Quản trị đa văn hoá)	3	3	0	

8	MBA.GE.013	International Economics (Kinh tế Quốc tế)	3	3	0	3	
9	MBA.GE.014	International Business Management (Quản trị Kinh doanh Quốc tế)	3	3	0		
10	MBA.GE.015	Corporate Financial Management (Quản trị tài chính doanh nghiệp)	3	3	0		
11	MBA.GE.016	Venture Capital and Private Equity (Quản lý Quỹ đầu tư mạo hiểm và Vốn cá nhân)	3	3	0		
12	MBA.GE.017	Financial Strategies (Chiến lược Tài chính)	3	3	0		
13	MBA.GE.018	Marketing dịch vụ (Service Marketing)	3	3	0		
14	MBA.GE.019	New Product Development (Phát triển sản phẩm mới)	3	3	0		
15	MBA.GE.020	Human Resource Management (Quản Trị Nguồn Nhân Lực)	3	3	0		
16	MBA.GE.021	Digital Marketing and Ecommerce (Tiếp thị số và Thương mại điện tử)	3	3	0		
17	MBA.GE.022	Data Analysis and Forecasting – Big Data Application (Phân tích số liệu và dự báo thị trường – ứng dụng big data)	3	3	0		
IV	THỰC TẬP		8				
1	MBA.INTERN	Internship (Thực tập)	8				2-4
V	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9				
1	MBA.GRAD	Graduation Project (Đề án tốt nghiệp)	9				4
Tổng cộng			60				

Lưu ý: Học viên là người nước ngoài môn Philosophy (Triết học) được thay thế bằng môn Vietnamese History Culture (Lịch sử văn hóa Việt Nam)

**DANH MỤC CÁC MÔN HỌC CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
PHƯƠNG THỨC 2 (NC2)**

TT	Mã môn học	Môn học	Khối lượng (số tín chỉ)			Học kỳ
			Tổng cộng	LT	TH, TN, TL	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		4	4	0	
1	PE500	Philosophy (Triết học)	4	4	0	1
II	KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC		21	21	0	
1	MBA.CO.001	Statistics for Business (Thống kê trong Kinh doanh)	3	3	0	1
2	MBA.CO.002	Financial Management (Quản trị tài chính)	3	3	0	
3	MBA.CO.003	Marketing Management (Quản trị Marketing)	3	3	0	
4	MBA.CO.011	Managerial Economics (Kinh tế Quản lý)	3	3	0	
5	MBA.CO.004	Strategic Management (Quản trị Chiến lược)	3	3	0	2
6	MBA.CO.006	Operations & Supply Chain Management (Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng)	3	3	0	
7	MBA.CO.010	Research Methodology (Phương pháp nghiên cứu)	3	3	0	
III	KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN (2 MÔN)		6	6	0	
1	MBA.GE.008	Negotiation and Problem Solving Skills (Các kỹ năng Đàm phán và Giải quyết vấn đề)	3	3	0	2
2	MBA.GE.009	Business, Ethics and Society (Kinh doanh, Đạo đức và Xã hội)	3	3	0	3
3	MBA.GE.010	Developing Leadership Skills (Phát triển Kỹ năng lãnh đạo)	3	3	0	
4	MBA.GE.011	International Marketing (Marketing Quốc tế)	3	3	0	
5	MBA.GE.012	Cross-Cultural Management (Quản trị đa văn hoá)	3	3	0	
6	MBA.GE.013	International Economics (Kinh tế Quốc tế)	3	3	0	

7	MBA.GE.014	International Business Management (Quản trị Kinh doanh Quốc tế)	3	3	0	3	
8	MBA.GE.015	Corporate Financial Management (Quản trị tài chính doanh nghiệp)	3	3	0		
9	MBA.GE.016	Venture Capital and Private Equity (Quản lý Quỹ đầu tư mạo hiểm và Vốn cá nhân)	3	3	0		
10	MBA.GE.017	Financial Strategies (Chiến lược Tài chính)	3	3	0		
11	MBA.GE.018	Service Marketing (Marketing dịch vụ)	3	3	0		
12	MBA.GE.019	New Product Development (Phát triển sản phẩm mới)	3	3	0		
13	MBA.GE.020	Human Resource Management (Quản Trị Nguồn Nhân Lực)	3	3	0		
14	MBA.GE.021	Digital Marketing and Ecommerce (Tiếp thị số và Thương mại điện tử)	3	3	0		
15	MBA.GE.022	Data Analysis and Forecasting – Big Data Application (Phân tích số liệu và dự báo thị trường – ứng dụng big data)	3	3	0		
IV	ĐỀ ÁN, CHUYÊN ĐỀ		14				
1	MBA.SRP	Scientific Research project (Đề án, chuyên đề nghiên cứu khoa học)	14				2-4
V	LUẬN VĂN THẠC SĨ		15				
1	MBA.THESIS	Thesis (Luận văn)	15				4
Tổng cộng			60				

Lưu ý: Học viên là người nước ngoài môn Philosophy (Triết học) được thay thế bằng môn Vietnamese History Culture (Lịch sử văn hóa Việt Nam)